TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **26**//2024/DS-ST
Ngày: 17 - 8 - 2024
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vượng

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 29/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-DS ngày 29/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HPT ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Bùi Thế D, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 1, khu phố X, P. Hưng Chiến, Tx B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

chị Phạm Thị Cẩm B, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1A, xã Minh Đức, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1974 (vắng mặt)

chị Trịnh Thị H, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên Tòa, nguyên đơn, người đại diện trình bày:

Trước đây quá trình làm việc đại diện ủy quyền nguyên đơn có trình bày, ngày 06/5/2016 anh Dcó cho vợ chồng chị H và anh B vay số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng). Hai bên có làm giấy vay tiền, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận và

không hẹn ngày trả nợ. Hai bên chỉ thống nhất khi nào anh D cần thì sẽ thông báo cho vợ chồng chị Hvà anh Bbiết để thu xếp trả nợ. Tuy nhiên, đến khi anh Dcần thu hồi lại khoản tiền nói trên thì vợ chồng chị H và anh B trốn tránh không chịu trả. Anh D cũng đã Thông báo bằng văn bản cho vợ chồng anh B để có phương án giải quyết nhưng vợ chồng anh Bvẫn không chịu trả. Nay anh D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước giải quyết buộc chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Thanh B phải hoàn trả số tiền đã vay của anh Bùi Thế D là 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng) và lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi có Quyết định hoặc Bản án sơ thẩm. Lãi suất tạm tính đến ngày khởi kiện là 78.000.000đ (bảy mươi tám triệu đồng). Tổng số tiền mà anh yêu cầu tạm tính đến ngày khởi kiện là 598.000.000đ (năm trăm chín mươi tám triệu đồng).

Tuy nhiên, tại phiên Tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi lại ý kiến, sau khi xem xét lại giấy tờ vay nợ gốc đã thể hiện ngày vay là ngày 19/8/2022, mục đích vay để đáo hạn trả nợ ngân hàng và thời hạn vay trong ngày, lãi có theo thỉa thuận, nhưng anh chị H, B cũng không trả cho nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Thanh B phải hoàn trả số tiền đã vay của anh Bùi Thế D là 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự, do bị đơn cố tình trốn tránh không có thiện chí trả nợ.

Về phía bị đơn anh B: Quá trình giải quyết vụ án, các đồng bị đơn không lên Tòa án làm việc, trình bày ý kiến. Kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã xác minh nơi cư trú của bị đơn cho thấy bị đơn có mặt tại địa phương nhưng thường xuyên đi về không ổn định. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết: tống đạt qua trưởng ấp cam kết giao lại cho anh B, nhưng anh chị không lên Tòa án làm việc, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có ý kiến khác.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên Tòa xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa các bên xác lập là có cơ sở. Do anh B, chị H vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng vay nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí và các chi phí tố tụng khác phía bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật của vụ án này là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. *:*

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ Điều 463, Bộ luật Dân sự 2015, thì hợp đồng vay tài sản của các bên giữa anh Dvà anh B, chị Hđược xác lập, anh D có nộp bản gốc của hợp đồng vay để chứng minh quyền lợi khởi kiện của mình. Anh B, chị Hđã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không lên Tòa án làm việc, coi như từ bỏ quyền lợi. Tòa án chỉ căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết là có cơ sở pháp luật. Về nội dung của hợp đồng vay tài sản đã ghi rõ việc anh B, chị H vay của anh Dsố tiền 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng) và thời hạn cam kết trả nợ trong ngày. Nhưng anh B, chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Như vậy, việc anh D khởi kiện là có căn cứ.

Về lãi suất chậm trả: tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi lại yêu cầu khởi kiện, đề nghị buộc anh B, chị H trả lãi suất kể từ thời điểm vi phạm thỏa thuận ngày 20/8/2022 theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Qua xem xét ý kiến tại phiên Tòa số tiền lãi chậm trả phía nguyên đơn đồng ý buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ thực hiện nghĩa vụ theo khoản 4, điều 466 là có cơ sở. Tổng số tiền lãi suất chậm trả từ tháng 20/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/8/2024 là 23 tháng, 27 ngày, lãi suất quy định tại khoản 4, Điều 466 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/năm.

Thành tiền là: 520.000.000đ x10%/12 tháng x 23 tháng 27 ngày = 103.566.668 đồng.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tổng số tiền cần buộc anh B, chị H phải trả cho anh Dcả gốc và lãi là 520.000.000đ + 103.566.668 đồng = 623.566.668 đ (Sáu trăm hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng)

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự và quan điểm về nội dung vụ án là có cơ sở, được Hội đồng xem xét chấp nhận

[5] Án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh B, chị Trịnh Thị H phải hoàn trả cho anh Bùi Thế D số tiền 623.566.668 đ (Sáu trăm hai mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó có: 520.000.000đ nợ gốc và 103.566.668 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật *(đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền)* nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thi hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh B, chị Trịnh Thị H phải chịu 28. 942.666 đồng (Hai mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Anh Bùi Thế D không phải chịu án phí, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho anh Dsố tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: 13.960.000 đồng, anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005073 ngày 27/02/2024

4. Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện Hớn Quản;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hồng